

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông Nghiệp – Lâm Nghiệp; Chuyên ngành: Nông Nghiệp/Quản lý tài nguyên và môi trường Nông Lâm Nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Đình Giang Nam

2. Ngày tháng năm sinh: 05/09/1979.....; Nam Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Cát Trù, Huyện Cẩm Khê, Tỉnh Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 562, (178 cũ), Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 39, Đường B17, Khu DC 91B, An Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0918166670; E-mail: ndgnam@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 05/2002 đến 05/2004: Cán bộ kỹ thuật – kế hoạch, Công ty CPXD 40

Từ 05/2004 đến 11/2009: Giảng viên Khoa Công Nghệ, Trường Đại Học Cần Thơ

Từ 11/2009 đến 01/2017: Giảng viên Khoa Môi Trường & Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại Học Cần Thơ

Từ 01/2017 đến 01/2018: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Tài nguyên nước, Khoa Môi Trường & TNTN, Trường Đại Học Cần Thơ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước Từ 01/2018 đến nay: Giảng viên, Trưởng bộ môn Tài nguyên nước, Khoa Môi Trường & Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại Học Cần Thơ.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Tài nguyên nước, Khoa Môi Trường & Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại Học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Trường Đại Học Cần Thơ, Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: +84292 3832 663

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 09 năm 2002; số văn bằng: 0313040; ngành: Xây dựng, chuyên ngành: Thủy Công Đồng Bằng; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại Học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 04 năm 2009; số văn bằng:; ngành: Dân dụng và Khoa học môi trường; chuyên ngành: Quản lý và bảo vệ nguồn nước; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại Học Kỹ Thuật Braunschweig, Đức.

- Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 09 năm 2017; số văn bằng: 1315; ngành: Kỹ thuật môi trường và nông nghiệp; chuyên ngành: Thủy văn môi trường; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại Học Kỹ Thuật và Nông Nghiệp Tokyo, Nhật Bản

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày... tháng ... năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại Học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông Nghiệp – Lâm Nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu, xây dựng, phát triển mô hình số phân tích đánh giá sự thay đổi tài nguyên nước dưới đất, các tác động đến các mục đích sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

- Nghiên cứu đánh giá trữ lượng, chất lượng nguồn nước, đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nói chung và nguồn tài nguyên nước nói riêng.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Nghiên cứu xây dựng phát triển mô hình phân tích đánh giá diễn biến sụt lún và thoát nước.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng): 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 đề tài cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 33 bài báo khoa học, trong đó 03 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Lối sống: giản dị, hòa đồng, quan tâm và giúp đỡ, chia sẻ với đồng nghiệp, sinh viên và cộng đồng nơi cư trú.
- Đạo đức và tác phong: Đạo đức tốt, tác phong nghiêm túc, làm việc trách nhiệm và tận tâm với công việc được giao phó.
- Tinh thần khoa học: luôn cầu tiến, nghiên cứu khoa học nghiêm túc và đam mê, luôn mong muốn học hỏi và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, trung thực trong nghiên cứu khoa học.
- Khả năng chuyên môn: Thích tìm tòi, trao đổi, nâng cao năng lực chuyên môn, hoàn thành đúng nghĩa vụ với vai trò và vị trí của người giảng viên tại đơn vị.
- Lương tâm nhà giáo: Minh bạch, trung thực, tận tâm với sinh viên và đồng nghiệp trong vai trò là giảng viên.
- Khả năng giảng dạy: có khả năng diễn đạt, truyền đạt, khả năng học hỏi và ứng dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 01 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2010-2011				10	200		200/295,63/0
2	2011-2012				3	120		120/292/0

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	2017-2018				12	635		635/1213,6/0
03 năm học cuối								
4	2018-2019			01	10	501	45	546/1092,95/212,8
5	2019-2020			01	15	402	170	572/1056,5/243,2
6	2020-2021			01	10	245	20	265/768,73/176
7	2021 - 30/06/2022			01	5	90	90	180/267,09/176

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh văn

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước: Đức năm 2009

- Bảo vệ luận án TS; tại nước: Nhật Bản năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp: ...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh Văn

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại Học Utsunomiya, Nhật Bản

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Toefl ITP 600 tương đương C

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Phúc		x	x		05/2019-02/2020	Trường Đại Học Cần Thơ	25/05/2020
2	Trần Văn Dũng		x	x		02/2020-09/2020	Trường Đại Học Cần Thơ	26/11/2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	Chau Kim Kha		x	x		11/2020-09/2021	Trường Đại Học Cần Thơ	31/12/2021
---	--------------	--	---	---	--	-----------------	------------------------	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Ứng dụng mô hình toán trong nghiên cứu tài nguyên nước ở Đồng Bằng Sông Cửu Long	TK	Nhà Xuất Bản Đại Học Cần Thơ, 2016	03	x	203-239	1897/GXN-ĐHCT
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Assessment of Groundwater Quality and Its Suitability for Domestic and Irrigation Use in the Coastal Zone of the Mekong Delta, Vietnam	TK	Springer, 2019	05	x	173-185	1898/GXN-ĐHCT

Trong đó: Sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 01

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi được công nhận TS					
1	Xây dựng bản đồ phân loại chất lượng nước dưới đất theo yếu tố mặn. Trường hợp nghiên cứu tại huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre	CN	T2018-42, Cấp cơ sở	05/2018 đến 08/2019	30/08/2019, Khá
2	Đánh giá tiềm năng trữ và bổ cập nước dưới đất tầng Holocen (qh)	CN	T2021-72, Cấp cơ sở	04/2021 đến 03/2022	31/3/2022, Tốt

	- Trường hợp nghiên cứu tại Đồng Tháp				
--	---------------------------------------	--	--	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1 Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Cost-effectiveness analysis as a methodology to compare sanitation options in peri-urban Can Tho, Vietnam	07		IRC Symposium 2010 Pumps, Pipes and Promises (Conference Paper)		10		11/2010
2	Sustainability assessment of sanitation options in Vietnam: planning with the future in mind	05		Journal of Water, Sanitation and Hygiene for Development/ISSN 20439083	Scopus (IF:1.25 Q2)	20	Volume 3, Issue 2, 262-268	3/2013
3	Groundwater Modeling for the Mekong Delta using IMOD	07		Conference: MODSIM2013, 20th International Congress on Modelling and Simulation. Modelling and Simulation Society of Australia and New Zealand, At Adelaide, Australia (Conference Paper)		10	2499-2505	12/2013
4	Groundwater modeling for coastal area of Soc trang, Mekong delta, Vietnam	03	X	Journal of Science Technology/ISSN 0866708X		15	Vol.52, N°3A, 182-188	09/2014
5	Thành lập bản đồ chất lượng nước cho sông, hồ sử dụng	06		Tạp chí Tài nguyên và Môi trường/ISSN 1859-1477		15	Số 13, Kỳ 1, 26-30	07/2014

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	thiết bị đo liên tục, cơ động							
6	Development of iMOD Groundwater Model for the Coastal Area of Soc Trang, Mekong Delta, Vietnam	03	X	The Japanese Society of Irrigation, Drainage and Rural Engineering (JSIDRE)/ ISSN X0278B		16	Volume 2014, 1, 6-35	10/2014
7	Groundwater Modeling for Groundwater Management in the Coastal Area of Mekong Delta, Vietnam	03	X	Transaction of The Japanese Society of Irrigation, Drainage and Rural Engineering/ ISSN 1884-7242	Peer reviewed journal	20	Volume 85, Issue 1, 93-103	06/2017
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
8	Khảo sát xu hướng thay đổi chất lượng nước mặt liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp trong vùng đê bao khép kín huyện chợ mới, tỉnh An Giang	04		Tạp chí Trường Đại Học Cần Thơ/ ISSN 1859-2333		15	Vol.1, N ^o 1, 55-63	10/2017
9	Land subsidence modeling in the Mekong Delta: A case study in Soc Trang and Can Tho city	03	X	CanTho university journal of science/ISSN 2615-9422		20	Vol. 54, No. 5, 45-51	07/2018
10	Tác động thay đổi lượng mưa đến biến động bổ cập nước dưới đất tầng nông - trường hợp nghiên cứu tỉnh Hậu Giang	05		Tạp chí Trường Đại Học Cần Thơ/ ISSN 1859-2333		15	Tập 54, Số 6A, 1-11	08/2018
11	Phân tích cân bằng nước và sự biến động mực nước hỗ trợ công tác quản lý nguồn nước tại khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư, Tỉnh An Giang	04		Kỷ yếu Hội nghị Lâm Sinh và BDKH 2018		5	168-178	08/2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

12	Khảo sát chất lượng môi trường Đất ở Rừng Tràm Trà Sư	05		Tạp chí Khoa Học Đất Việt Nam/ISSN 2525-2216		10	53,2018,90-94	09/2018
13	Assessment of the impact of a full-dyke system on water quality using GIS. Case study: Vi Tan commune, Hau Giang province	04	X	GIS Ideas 2018 (international proceeding)		10	456-461	11/2018
14	Assessment of Groundwater quality using water quality index and establishing a groundwater management tool at the local level	04	X	GIS Ideas 2018 (international proceeding)		5	489	11/2018
15	Đánh giá chất lượng và xây dựng bản đồ nước dưới đất theo yếu tố mặn tại Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre	03	X	Tạp chí Khoa Học Đất Việt Nam/ISSN 2525-2216		10	56,2019,44-48	07/2019
16	Absorbility of nitrogen and phosphorus in the water bodies of an intensive paddy rice field	05		Journal of Vietnamese Environment/ISSN 2193-6471		10	Spec iss. APE2019, 75-80	09/2019
17	Chất lượng nước mặt của sông Tiền chảy qua địa phận Tân Châu, tỉnh An Giang	05		Tạp chí Trường Đại Học Cần Thơ/ISSN 1859-2333		10	Số chuyên đề: Môi trường và Biến đổi khí hậu 2019, 53-60	10/2019
18	Ứng dụng GIS phân tích và đề xuất biện pháp hỗ trợ công tác điều tiết nước tại rừng Tràm Sư, An Giang	05	X	Nhà Xuất Bản Nông Nghiệp/ISBN 9786046031048		20	254-264	11/2019
19	Modeling for Analyzing Effects of Groundwater Pumping in Can Tho city, Vietnam	04	X	Lowland Technology International Journal/ ISSN 1344-9656	Scopus Q2	40	Volume 21, Issue 1, 33-43	11/2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

20	Ảnh hưởng của thủy triều đến khả năng phục hồi chất lượng nước trong hệ thống hồ kênh đô thị tại thành phố Cần Thơ	03	X	International workshop proceeding: Environmental security in VietNam			50-57	10/2020
21	Đánh giá tiềm năng bổ cập tự nhiên nước dưới đất tầng holocen - trường hợp nghiên cứu: tỉnh Đồng Tháp	04	X	Tạp chí Khoa Học Đất Việt Nam/ISSN 2525-2216		7	64,2021,48-53	09/2021
22	Mapping surface water quality zone by gis and spatial interpolation idw case study in Can Tho city, Vietnam	04	X	GIS Ideas 2021 (international proceeding)		3	156-162	09/2021
23	A hidden treasure: Groundwater as a tool for climate adaptation and resilience	X		GLASGOW, COP26: Water pavilion	GLASGOW, COP26			10/2021
24	Ứng dụng ảnh landsat đánh giá sự thay đổi phân bố nhiệt độ bề mặt tại thành phố Cần Thơ giai đoạn 1990-2020	05		Kỷ yếu Hội nghị khoa học công nghệ lần thứ 5, Quản lý tài nguyên và môi trường hướng đến phát triển bền vững trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0			75-85	10/2021
25	Evaluation of groundwater level, quality and recharge: a case study of Can tho city, Vietnam	04		Journal of Science Technology/ISSN 0866708X			Spec, iss IFGTM21, 70-85	11/2021
26	Ứng dụng mô hình SWMM đề xuất giải pháp giảm ngập cho quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	03	X	Conference paper: International Conference on sustainable construction development in the context of climate change in the Mekong Delta			199-208	11/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

			(SCD2021)/ISBN 978-604-825956-3				
27	The seasonal groundwater salinity and its use in the coastal vietnamese Mekong Delta	04	X	Journal of Science Technology/ISSN 0866708X			Spec, iss IFGTM21, 43-59 11/2021
28	Nutrient dynamics in water and soil under conventional rice cultivation in the Vietnamese Mekong Delta	03		F1000 Research/ISSN 2046-1402	Scopus Q1	20	11/2021
29	Analyzing the response of groundwater level to tidal wave in coastal aquifer, taoyuan, taiwan	04	X	Asian Conference on Remote Sensing /ISBN: 978-1-7138-4381-8	Scopus		42,1034-1040 11/2021
30	Xây dựng bản đồ trữ lượng nước dưới đất cho thị xã Vĩnh Châu bằng mô hình iMOD	03	X	Tạp chí Tài nguyên môi trường/ISSN 1859-1477		2	Số 23, 373, 34-38 12/2021
31	Đánh giá mức độ suy giảm mực nước dưới đất và khả năng bổ cập cho tầng holocene(qh): Trường hợp nghiên cứu tại vùng thượng nguồn Đồng bằng sông Cửu Long	07		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ISSN 1859-4581			Số 3,4, 135-143 04/2022
32	The Diversity of Phytoplankton in a Combined Rice-Shrimp Farming System in the Coastal Area of the Vietnamese Mekong Delta	07	X	MDPI: Water/ 2073-4441	SCIE, IF:3.103, Q2	4	Water 2022, 14, 48 02/2022
33	Evaluating Reference Crop Evapotranspiration of Selected Field Crops in Different Agricultural Regions in the	06	X	Journal of Climate Change/ISSN: 2395-7611	Peer reviewed journal		Vol.8, 2, 06/2022

Vietnamese Mekong Delta						
----------------------------	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 03 bài (19, 29, 32)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Giấy khen, giải thưởng trong nước/quốc tế

TT	Tên	Cơ quan/tổ chức công nhận	Số quyết định ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Thành tích xuất sắc trong việc hỗ trợ, đóng góp xây dựng Đề tài: “Đánh giá tài nguyên đất, nước phục vụ phát triển vùng cây ăn trái đặc sản, an toàn, giá trị kinh tế cao trên địa bàn Huyện Châu Thành, Bến Tre”	Ủy ban nhân dân Huyện Châu Thành	68/QĐ-UBND, 17/01/2022	07

- Trong đó: số TT đạt giải thưởng trong nước/quốc tế là tác giả chính chính sau TS: 01

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo Ngành Kỹ thuật Cấp Thoát Nước	Tham gia	61/QĐ-ĐHCT	ĐHCT	451-QĐ-ĐHCT	
2	Xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo ThS Quản lý TNMT	Tham gia	5165/QĐ-ĐHCT	ĐHCT	98-QĐ-ĐHCT	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Cần Thơ, ngày 27 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Giang Nam